

Số: 97 /KH-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 1657/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025; Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kế hoạch phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiến hành đánh giá tiêu chuẩn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù đối với tỉnh và các xã, phường trên địa bàn tỉnh nhằm xác định loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính (Nghị định số 307/2025/NĐ-CP).

- Là cơ sở để hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy, xác định biên chế, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền địa phương phù hợp với từng loại đơn vị hành chính.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, thống kê, đánh giá theo các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

- Các số liệu làm cơ sở đánh giá phải được thống kê chính xác, khách quan, trung thực. Các cơ quan thuộc tỉnh, UBND các xã, phường chịu trách nhiệm về số liệu tổng hợp, đánh giá, báo cáo thuộc lĩnh vực ngành, cấp mình theo dõi, quản lý.

II. NỘI DUNG

1. Rà soát, thống kê thực trạng các đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh theo các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính

- Quy mô dân số;
- Diện tích tự nhiên;
- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;
- Các yếu tố đặc thù.

2. Tiêu chí phân loại và cách tính điểm phân loại

Căn cứ số liệu thống kê thực trạng đối với từng tiêu chí, tiến hành tính điểm đối với mỗi đơn vị hành chính làm cơ sở cho việc phân loại:

- Đối với tỉnh: Thực hiện theo Điều 5 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.
- Đối với xã: Thực hiện theo Điều 6 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.
- Đối với phường: Thực hiện theo Điều 7 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

3. Số liệu đánh giá tiêu chí phân loại đơn vị hành chính

Số liệu đánh giá các tiêu chí của phân loại đơn vị hành chính được tính đến ngày 31/12/2025. Số liệu về quy mô dân số được xác định theo dân số thường trú và dân số tạm trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Phương pháp thu thập, tính toán số liệu của từng tiêu chí phân loại đơn vị hành chính được quy định tại Phụ lục của Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

III. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

- UBND tỉnh lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, lập bảng thống kê số liệu tiêu chí theo biểu 1A.

- UBND xã, phường lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính xã, phường theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, lập bảng thống kê số liệu tiêu chí theo biểu 1B, 1C.

IV. TRÌNH TỰ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh

Bước 1: Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh lập hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính của tỉnh. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

Thời gian hoàn thành: trước ngày **01/03/2026**.

Bước 2: Sở Nội vụ tổng hợp số liệu theo từng lĩnh vực, hoàn thiện hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, gửi Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính tỉnh.

Thời gian hoàn thành: trước ngày **01/04/2026**.

2. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp mình và tự chấm điểm đạt được theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

Bước 2: UBND cấp xã đối chiếu giữa số điểm đạt được của địa phương với khung điểm phân loại đơn vị hành chính được quy định tại Điều 4 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

Thời gian hoàn thành nộp về Sở Nội vụ: trước ngày **30/4/2026**.

Bước 3: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thẩm định kết quả rà soát, đánh giá các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính do UBND cấp xã gửi đến; quyết định tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

Bước 4: Các Sở, ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kết quả rà soát, đánh giá và cho điểm theo từng tiêu chí thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý theo quy định.

Thời gian hoàn thành: trước ngày **30/6/2026**.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Hoàn thiện hồ sơ, đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh, trình UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính tỉnh.

b) Đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm đúng quy định và tiến độ thời gian thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định kết quả phân loại đơn vị hành chính do UBND cấp xã gửi đến; tổng hợp kết quả phân loại; báo cáo, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

d) Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý (*theo các biểu 1A, 1B, 1C*), cụ thể: tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; số lượng đơn vị hành chính cấp xã; chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước cấp tỉnh; đường biên giới quốc gia trên đất liền; phường thuộc khu vực miền núi; xã, phường An toàn khu.

2. Các sở, ngành cấp tỉnh liên quan

Thẩm định, đánh giá và cho điểm theo từng tiêu chí thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý (*theo các biểu 1A, 1B, 1C*), cụ thể:

a) Thống kê tỉnh Cao Bằng: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; tốc độ tăng trưởng kinh tế; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh; thu nhập bình quân đầu người.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí diện tích tự nhiên; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; tỷ lệ dân số xã sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

c) Sở Tài chính: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương. Trường hợp không có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương, nếu có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương; cân đối thu, chi ngân sách.

d) Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ dân số đô thị trên địa bàn phường được cung cấp nước sạch.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận.

e) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình cấp tỉnh, cấp xã.

g) Sở Khoa học và Công nghệ: thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của cơ quan, lãnh đạo cơ quan và được gửi đi trên môi trường mạng.

h) Công an tỉnh: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chí quy mô dân số; dân số tạm trú quy đổi so với dân số thường trú; tỷ lệ dân tộc thiểu số.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm yêu cầu và tiến độ thời gian.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; Công TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Hải Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH.....

BIỂU RÀ SOÁT
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025) *UHN*

Biểu số 1A

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thực trạng ¹	Đánh giá điểm	Ghi chú
1	Quy mô dân số	người		10	
2	Diện tích tự nhiên	km ²			
3	Điều kiện phát triển KT-XH				
a	- Có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương	điểm			
	- Có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%			
b	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%			
c	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%			
d	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	4,0	3	
đ	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%			
e	Thu nhập bình quân đầu người từ mức bình quân chung cả nước	%			
g	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%			
h	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều				
i	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	90%		
k	Có Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước				
l	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình				
4	Các yếu tố đặc thù				
a	Dân số là người dân tộc thiểu số				

¹ Là kết quả thực trạng của các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định 307/2025/NĐ-CP.

b	Đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có đường biên giới quốc gia trên đất liền				
c	Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận, ghi danh				
d	Số lượng đơn vị hành chính cấp xã		X		
Tổng điểm (1+2+3+4)					

Tổng điểm xã đạt được: điểm

Đề nghị xếp loại:.....

Người lập biểu

....., ngày.....tháng..... năm 2026

TM.UBND.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

BIỂU RÀ SOÁT
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

Biểu số 1B

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thực trạng ²	Đánh giá điểm	Ghi chú
1	Quy mô dân số	người	7.080	10	
2	Diện tích tự nhiên	km ²			
3	Điều kiện phát triển KT-XH				
a	- Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương	điểm			
	- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%			
b	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%			
c	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%			
d	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	4,0	3	
đ	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn trên địa bàn xã	%			
e	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính	%			
g	Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của cơ quan, lãnh đạo cơ quan và được gửi đi trên môi trường mạng	%			
4	Các yếu tố đặc thù				
a	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số	%	90%		
b	Có đường biên giới quốc gia trên đất liền				
c	Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận				
d	Thuộc xã an toàn khu		X		
Tổng điểm (1+2+3+4)					

Tổng điểm xã đạt được: điểm
Đề nghị xếp loại:.....

Người lập biểu

....., ngày.....tháng..... năm 2026
TM.UBND.....

² Là kết quả thực trạng của các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Nghị định 307/2025/NĐ-CP.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG.....

BIỂU RÀ SOÁT
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

Biểu số 1C

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thực trạng ³	Đánh giá điểm	Ghi chú
1	Quy mô dân số	người	41.215		
2	Diện tích tự nhiên	km ²	5.3	10	
3	Điều kiện phát triển KT-XH				
a	- Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương	điểm			
	- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%			
b	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	65		
c	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%			
d	Tỷ lệ dân số đô thị trên địa bàn phường được cung cấp nước sạch	%			
đ	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%			
e	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính	%			
g	Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của cơ quan, lãnh đạo cơ quan và được gửi đi trên môi trường mạng	%			
4	Các yếu tố đặc thù				
a	Tỷ lệ dân số tạm trú quy đổi so với dân số thường trú	%			
	Trong đó: - Dân số thường trú	người			
	- Dân số tạm trú quy đổi	người			
b	Phường thuộc khu vực miền núi				
c	Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc di sản được UNESCO công nhận				
d	Thuộc phường an toàn khu		X		
Tổng điểm (1+2+3+4)					

Tổng điểm đạt được:điểm.

Đề nghị xếp loại:

Người lập biểu

.....ngày.....tháng.....năm 2026

TM. UBND.....

³ Là kết quả thực trạng của các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Nghị định 307/2025/NĐ-CP.